

TÌM HIỂU VIỆC ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TIẾNG ANH THÔNG QUA VIỆC QUAN SÁT HOẠT ĐỘNG LỚP

Nguyễn Thị Hoài Minh *
Nguyễn Như Quỳnh

Bài viết tóm tắt sự khác nhau cơ bản của hình thức dạy-học lấy người thầy làm trung tâm và hình thức dạy-học lấy người học làm trung tâm để nêu lên ưu điểm nổi bật của hình thức thứ hai là có thể giúp người học chủ động, nhanh nhạy hơn với việc lĩnh hội kiến thức. Trong các lớp Tiếng Anh, hình thức lấy người học làm trung tâm có thể được đánh giá thông qua mức độ tham gia của sinh viên vào các hoạt động lớp khác nhau. Từ góc độ này, kết quả quan sát lớp học cho thấy: (1) phương pháp giảng dạy Tiếng Anh theo hướng thầy làm trung tâm vẫn đóng vai trò chủ đạo; (2) cách học và dạy ngôn ngữ vẫn thiên về thực hành ngôn ngữ máy móc và có kiểm soát hơn là học kỹ năng sử dụng ngôn ngữ một cách sáng tạo; và (3) xu hướng tập trung vào người học được thể hiện rõ hơn trong các lớp kỹ năng Nghe-Nói hơn là các lớp Tiếng Anh tổng quát.

The paper summarizes the major differences of teacher-centredness and learner-centredness to highlight one of the advantages of the latter: to enable learners to become active and take responsibility for their learning. In a more particular investigation for English classes, the learner-centredness can be evaluated from different types of class activities in which the time of student participation is recorded and measured. From this perspective, the paper offers three findings: (1) teacher-centredness remained a dominant approach to teaching English at HOU; (2) mechanical practice of language outweighed free communicative practice; and (3) there was a bigger tendency of learner-centredness in Listening/Speaking classes than in General English classes.

1. MỞ ĐẦU

Trong lý luận dạy học có những quan niệm khác nhau về vai trò của người thầy và vai trò của người học nhưng tựu trung lại có hai hướng: hoặc tập trung vào vai trò hoạt động của người thầy (lấy giáo viên làm trung tâm – kiểu dạy học truyền thống) hoặc tập trung vào vai trò hoạt động của người học (lấy người học làm trung tâm). Xu hướng giáo dục hiện đại khuyến khích giáo

viên chuyển từ hình thức lấy người thầy làm trung tâm sang hình thức lấy người học làm trung tâm nhằm nâng cao khả năng tự học, ý thức trách nhiệm đối với việc học của người học. Về lâu dài, hình thức lấy người học làm trung tâm giúp người học có thể tiếp tục việc học cả đời khi không có người thầy ở bên.

Hiện nay, các báo cáo về việc dạy và học Tiếng Anh ở Khoa Ngoại Ngữ cho thấy

* Giảng viên cơ hữu Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư Phạm Tp. HCM

các giáo viên cũng dần có những thay đổi tích cực trong phương pháp đề hướng đến người học nhiều hơn. Trong khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi quan sát và phân tích mức độ áp dụng của phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm thông qua hoạt động giao tiếp dựa trên thời gian giáo viên nói và thời gian học trò nói trong lớp trong các hoạt động theo cặp/ theo nhóm. Những chia sẻ trong bài viết là kết quả được tổng hợp từ việc quan sát một số lớp học Tiếng Anh chuyên ngành và không chuyên trong học kì II năm học 2008 – 2009 tại Khoa Ngoại Ngữ Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Phương pháp dạy học lấy người thầy làm trung tâm: Kiến thức được người thầy truyền thụ cho trò.

Phương pháp dạy học theo kiểu này là “thầy đọc – trò ghi”. Người học chỉ học theo những điều thầy giáo đã dạy, không tham khảo thêm tài liệu, sách vở khác. Theo phương pháp này mức độ điều khiển của người thầy tương là cao nhưng thực ra là rất thấp và mức độ tự giác tích cực, chủ động hay tự điều khiển của người học cũng rất thấp, khiến cho người học tiếp thu kiến thức

một cách thụ động, kém khả năng sáng tạo và khả năng tự học suốt đời.

2.2. Phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm: Kiến thức được người học tự tìm kiếm dưới sự hướng dẫn của người thầy.

Phương pháp này coi người học là chủ thể của quá trình dạy và học. Giáo viên chỉ dạy những kiến thức cơ bản, đóng vai trò hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm tra quá trình học, không làm thay người học. Còn người học phải tự điều khiển quá trình tiếp thu kiến thức, tham khảo mở rộng kiến thức theo các tài liệu, sách vở, được sự điều khiển sự phạm của người thầy. Thầy nêu vấn đề, trò tập giải quyết vấn đề. Ở đây có sự đối thoại giữa thầy – trò, giữa trò – trò. Hai hoạt động dạy và học cùng phối hợp với nhau và cùng phát huy tác dụng, dẫn tới chất lượng cao của đào tạo, hình thành nên những con người có đầu óc sáng tạo, có khả năng đi xa suốt cuộc đời trên con đường học vấn.

Như vậy phương pháp mới – dạy học lấy người học làm trung tâm thể hiện tính ưu việt hơn hẳn so với phương pháp dạy học truyền thống.

2.3. Một vài đặc điểm của phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm

Về mục tiêu dạy học	Chú trọng đến nhu cầu, lợi ích, tiềm năng của người học (giáo viên giúp sinh viên hình thành những kỹ năng để thích ứng với đời sống xã hội, hình thành và phát triển bản thân)
Về nội dung dạy học	Không chỉ cung cấp tri thức mà còn hướng tới hành động (chú trọng các kỹ năng thực hành, vận dụng các kiến thức lí thuyết, năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề thực tiễn của sinh viên)
Về phương pháp dạy học	Giáo viên tổ chức cho sinh viên hoạt động độc lập hoặc theo cặp/nhóm; sinh viên vừa tự lực nắm bắt tri thức vừa rèn luyện phương pháp tự học; Trên lớp, giáo viên tập trung vào các hoạt động của sinh viên và linh hoạt điều chỉnh giáo án theo diễn biến của lớp học

Về hình thức tổ chức dạy học	Sinh viên sử dụng bàn ghế cá nhân, có thể bố trí thay đổi linh hoạt cho phù hợp với hoạt động học tập trong tiết học, thậm chí theo yêu cầu sư phạm của từng phần trong tiết học
Về đánh giá	Sinh viên tự giác chịu trách nhiệm về kết quả học tập của mình, được tham gia tự đánh giá và tự đánh giá lẫn nhau về mức độ đạt các mục tiêu của từng phần trong chương trình học tập

2.4. Phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm trong việc dạy và học Tiếng Anh

Để phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm phát huy hiệu quả trong dạy và học Tiếng Anh thì trước tiên người giáo viên cần tạo cho người học một tâm lý thoải mái, tự tin để họ có thể phát huy vai trò chủ động, tích cực trong quá trình lĩnh hội tri thức. Để làm được điều đó thì bản thân giáo viên phải nắm rõ và giúp người học hiểu rằng chúng ta học tiếng Anh là để giao tiếp và chỉ thông qua hoạt động giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) chúng ta mới nâng cao trình độ ngoại ngữ của mình.

Như vậy, người học cần được tạo những điều kiện tích cực để có thể thực hành và sử dụng Tiếng Anh chứ không giới hạn trong

phạm vi thầy nói gì thì phải lặp lại cái ấy. Các hoạt động lớp được giáo viên kiểm soát cần phải được phát triển từng bước đến mức độ ít kiểm soát hơn để người học có thể quyết định nội dung của thông tin giao tiếp và cách thức diễn đạt thông tin đó. Khi ấy, người thầy đóng vai trò là người thiết lập, định hướng, hỗ trợ để người học hoàn tất yêu cầu của một hoạt động nào đó.

Xin được so sánh hai hoạt động lớp sau đây để minh họa cho cách phương pháp truyền thống lấy người thầy làm trung tâm được thay đổi thành lấy người học làm trung tâm như thế nào:

<ul style="list-style-type: none"> ■ Tên của hoạt động: What food is it? ■ Mục tiêu của hoạt động: Luyện tập kỹ năng nghe hiểu định nghĩa về thức ăn và nghe hiểu số. 	
<p>Activity A Look over the food chart, getting a sense of serving size, weight, and calories for various food listed. Your instructor will read a description twice. Listen carefully and then identify the food being described. Model: <i>(you hear)</i> A cup of this dairy product contains one hundred twenty-five calories. <i>(you say)</i> Yogurt</p>	<p>Khi thực hiện hoạt động này, giáo viên chịu trách nhiệm đọc định nghĩa thức ăn và sinh viên trả lời thức ăn đó là gì. Nếu sinh viên không hiểu được định nghĩa hay một phần định nghĩa thì sinh viên không trả lời được. Do đó, giáo viên phải đọc lại hoặc giải thích đến khi sinh viên hiểu và có câu trả lời đúng. Như vậy, giáo viên phải làm việc nhiều trong khi sinh viên có thể không chú ý vì họ biết giáo viên sẽ lặp đi lặp lại nếu họ không trả lời.</p>

<p>Activity B</p> <p>Look over the food chart, getting a sense of serving size, weight, and calories for various food listed. Your instructor will read a description twice. Listen carefully and then identify the food being described.</p> <p>Model: (<i>you hear</i>) A cup of this dairy product contains one hundred twenty-five calories.</p> <p style="padding-left: 40px;">(<i>you say</i>) Yogurt</p> <p><i>If you cannot identify the item, then you should ask any or all of the following questions, depending on what you did not understand.</i></p> <p style="padding-left: 40px;"><i>What quantity did you say?</i></p> <p style="padding-left: 40px;"><i>How many calories, please?</i></p> <p style="padding-left: 40px;"><i>What was the food group?</i></p>	<p>Bên cạnh yêu cầu nghe và trả lời, hoạt động này bổ sung phần trách nhiệm của sinh viên (chữ nghiêng)—sinh viên phải chủ động đặt câu hỏi cho giáo viên phân định nghĩa mà mình chưa hiểu để nhận được câu trả lời từ phía giáo viên. Với yêu cầu mới này, sinh viên phải chăm chú lắng nghe hơn vì giáo viên sẽ không lặp lại nếu sinh viên không đặt câu hỏi. Ngoài ra, sinh viên sẽ trở nên chủ động trong việc giải mã ngôn ngữ và đối thoại với giáo viên.</p>
---	---

(Nguồn: Lee & Van Patten 1995, trang 13 – 4)

Việc sử dụng các hoạt động lớp làm tăng tính chủ động của người học tương tự như hoạt động B một cách thường xuyên sẽ giúp người học có trách nhiệm với kết quả học tập của mình hơn so với hoạt động A. Tuy nhiên, tính chủ động của người học được thể hiện cao nhất khi sinh viên được tạo điều kiện để tự làm việc với nhau để hoàn tất bài tập. Hoạt động B có thể được phát triển thành một hoạt động theo đôi, trong đó một sinh viên tự nêu định nghĩa và sinh viên kia đoán từ. Như vậy, sinh viên hoàn toàn chủ động trong thực hành nghe nói.

Từ đó, có thể nói rằng phương pháp giáo viên lựa chọn và tổ chức tiến trình hoạt động lớp phản ánh một cách rõ ràng mức độ đổi mới phương pháp của giáo viên. Bên cạnh phần truyền tải thông tin, kiến thức, mức độ hướng đến sinh viên, để làm việc phụ thuộc vào loại hoạt động lớp mà giáo viên cung cấp. Phần tiếp theo của bài viết đề cập đến những số liệu thực tế phản ánh mức độ lấy người học làm trung tâm tại một số lớp Tiếng

Anh tại Trường.

3. THỰC TẾ TỪ QUAN SÁT LỚP HỌC

3.1. Phương pháp thu thập và phân tích thông tin

Để có được các thông tin về phương pháp giảng dạy tiếng Anh và các hoạt động lớp, người viết bài dự giờ và ghi chép cụ thể tiến trình của lớp học. Tổng số giáo viên được dự giờ là 10 giáo viên, trong đó có 5 giáo viên dạy môn Nghe Nói và 5 giáo viên dạy môn Tiếng Anh cơ bản (*xem phụ lục, bảng 1*). Tổng số thời gian quan sát lớp học cho 10 giáo viên là 576 phút. Trong thời gian dự giờ tại lớp, người dự giờ ghi lại chi tiết các bước triển khai bài giảng của giáo viên và sinh viên cùng với thời gian thực hiện của từng hoạt động.

Sau đó, người viết tổng hợp thông tin đã được ghi chép trong quá trình dự giờ và phân loại các hoạt động lớp theo 3 nhóm: (*xem các hoạt động lớp của từng nhóm ở phụ lục, bảng 2b & 3b*)

<p>1. Hoạt động có tương tác 1 chiều GV→SV (chỉ có giáo viên nói)</p>	<p>Với các hoạt động thuộc nhóm này, giáo viên đóng vai trò trung tâm – là người truyền đạt kiến thức, thông tin, hoặc cung cấp ví dụ cho sinh viên. Tương ứng với vai trò trung tâm của giáo viên, sinh viên chỉ có vai trò bị động – là người thụ hưởng kiến thức, thông tin do giáo viên cung cấp.</p>
<p>2. Hoạt động có tương tác 2 chiều GV↔SV hoặc SV↔SV được kiểm soát bởi giáo viên</p>	<p>Trong các hoạt động thuộc nhóm này, sinh viên được tham gia vào quá trình thực hành tiếng. Tuy nhiên, ngôn ngữ thực hành phụ thuộc vào giáo trình hay giáo viên, do giáo viên khơi gợi trước. Tiêu biểu cho loại tương tác này là mô hình I-R-E (giáo viên khởi đầu một giao tiếp – <i>Initiate</i>, sinh viên trả lời – <i>Response</i>, giáo viên đánh giá câu trả lời – <i>Evaluate</i>). Ngoài ra, các hoạt động nhằm giúp sinh viên học thuộc lòng cũng thuộc nhóm này. Như vậy, khi sử dụng các hoạt động trong nhóm này, giáo viên vẫn đóng vai trò trung tâm, trong khi sinh viên là người làm theo và chịu sự chi phối của giáo viên, hoặc học tập một cách máy móc theo sách vở và hướng dẫn của giáo viên.</p>
<p>3. Hoạt động do sinh viên chủ động và có nhiều dạng tương tác qua lại</p>	<p>Đây là khoảng thời gian sinh viên được chủ động luyện tập ngôn ngữ theo đôi/nhóm hoặc cá nhân. Khi tổ chức các hoạt động này, sinh viên được giáo viên hướng dẫn, khuyến khích sử dụng vốn ngôn ngữ, kinh nghiệm, ý kiến, cảm xúc của mình để giao tiếp với các sinh viên khác hoặc với giáo viên nhằm hoàn thành mục đích giao tiếp của từng hoạt động. Hình thức giao tiếp này đặc biệt hướng đến người học, rèn luyện các kỹ năng giao tiếp và tính độc lập của người học thông qua các hoạt động giao tiếp. Khác với các hoạt động trong nhóm 2, khi thực hiện các hoạt động này, sinh viên chủ động sáng tạo ra nội dung giao tiếp, do đó, kết quả ngôn ngữ giao tiếp cuối cùng khác nhau theo từng sinh viên.</p>

Tiếp theo, người viết thống kê thời gian tương ứng của từng nhóm hoạt động lớp theo tỷ lệ phần trăm. Cuối cùng, để có một nhận chung tình hình thực tế từ lớp học, người dự giờ phân tích thông tin bằng cách so sánh tỷ lệ phần trăm của tổng thời gian của 3 nhóm hoạt động lớp để hiểu được các giáo viên lấy người học làm trung tâm ở mức độ nào (xem phụ lục, bảng 2a & 3a). Sau đó, người viết so sánh cách sử dụng thời gian cho hoạt động

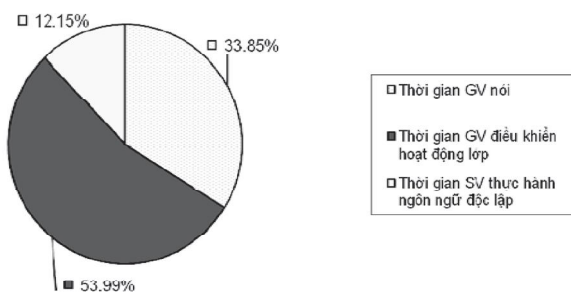
lớp của 2 nhóm giáo viên (giáo viên dạy môn nghe nói và giáo viên dạy tiếng Anh cơ bản) để thấy được đặc thù môn học ảnh hưởng đến sự lựa chọn phân bố thời gian cho các hoạt động lớp như thế nào.

3.2. Kết quả và thảo luận

Sau khi tổng hợp và phân tích thông tin ghi chép từ các buổi dự giờ, người viết rút ra một số kết luận sau đây:

3.2.1. Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh truyền thống vẫn đóng vai trò chủ đạo.

Qua sơ đồ phân bố 3 nhóm hoạt động lớp của 10 giáo viên được dự giờ, chúng ta có thể thấy thời gian sinh viên được làm việc độc lập là 12.15%, chỉ chiếm khoảng 1/8 thời gian được quan sát. Nhìn chung, phương pháp lấy người học làm trung tâm vẫn chiếm một tỷ lệ nhỏ trong thực tế lớp học. Rõ ràng các giáo viên được quan sát trong bài viết này vẫn sử dụng nhiều các kỹ thuật giảng dạy truyền thống để triển khai bài giảng và quản lý lớp học. Những nguyên nhân thường được nêu ra để giải thích cho việc ứng dụng hạn chế các kỹ thuật giảng dạy lấy người học làm trung tâm là: ý thức tự giác và trình độ ngôn ngữ của sinh viên, sĩ số lớp học, các



Sơ đồ 1: Phân bố 3 nhóm hoạt động lớp

điều kiện hỗ trợ. Đồng thời, việc có thay đổi phương pháp giảng dạy cũng phụ thuộc nhiều vào bản thân người dạy – vẫn còn nhiều giáo viên không tin vào tính khả thi của phương pháp dạy lấy người học làm trung tâm.

Với kết quả trên đây, có thể nói việc xây dựng thói quen dạy và học mới vẫn gặp nhiều khó khăn và cần nhiều hỗ trợ thuyết phục hơn.

3.2.2. Cách học và dạy ngôn ngữ thiên về thực hành ngôn ngữ máy móc và có kiểm soát hơn là học kỹ năng sử dụng ngôn ngữ một cách sáng tạo.

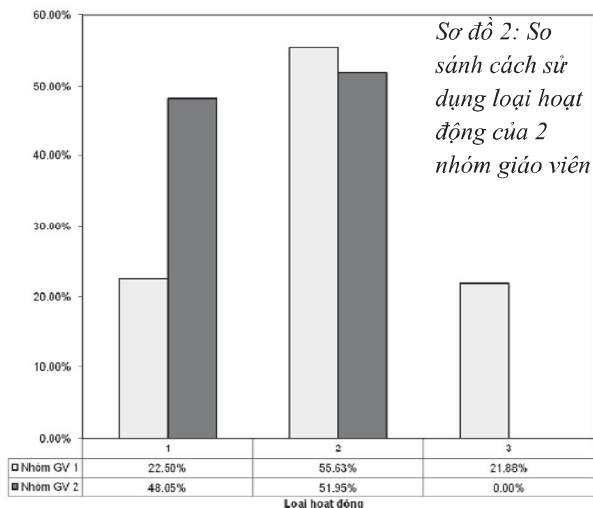
Một trong những yếu tố quan trọng của việc học ngôn ngữ là thực hành. Việc hướng dẫn sinh viên thực hành thường được thực hiện theo hai cách: (1) thực hành theo sự kiểm soát của giáo viên và (2) tạo ra môi trường thuận lợi để sinh viên tự thực hành tự do. Có thể nói nếu sinh viên có điều kiện học với loại thực hành thứ 2, họ sẽ được phát huy tính chủ động và có cơ hội rèn luyện kỹ năng nhiều hơn. Theo kết quả tổng hợp, thời gian sinh viên thực hành máy móc và được giáo viên kiểm soát chắc chắn là 53.99% tổng thời gian học, cao hơn rất nhiều so với 33.85% thời gian dành cho thực hành tự do.

Tuy nhiên, cũng có thể thấy rằng một số hoạt động cho sinh viên thực hành dưới sự kiểm soát của giáo viên tỏ ra khá hiệu quả và ít nhiều quan tâm đến cá nhân người học (ví dụ như đặt câu hỏi gợi ý để sinh viên tham gia khám phá nội dung bài học mới, để cung cấp thêm thông tin hay để sinh viên mở rộng chủ đề). Những hoạt động này tuy hạn chế việc sử dụng ngôn ngữ độc lập nhưng cũng có tác dụng khuyến khích tính chủ động tham gia và quá trình học của sinh viên.

3.2.3. Tính chất của môn học có ảnh hưởng lớn đến quyết định lựa chọn loại hoạt động lớp của giáo viên.

Từ sơ đồ 2, chúng ta có thể thấy rõ sự khác biệt trong việc áp dụng các loại hoạt động lớp của 2 nhóm giáo viên: nhóm giáo viên 1 dạy kỹ năng nghe nói – môn học đòi hỏi tính thực hành cao; và nhóm giáo viên 2 dạy tiếng Anh cơ bản – môn học có sự kết hợp giữa việc học ngữ pháp, từ vựng và thực hành. Trong khi nhóm giáo viên 1 phần nào

sử dụng các hoạt động nhóm 3 (21.88% thời gian), nhóm giáo viên 2 không áp dụng bất cứ một hoạt động nào thuộc nhóm hoạt động này (0% thời gian)



Kết quả trên đây cho thấy các giáo viên thuộc nhóm 1 ít nhiều khuyến khích sinh viên làm việc độc lập do mục đích đặc thù thiên về kỹ năng của môn học này. Việc kiểm tra đánh giá trình độ người học, do đó, nhiều phần phụ thuộc vào những chuẩn kỹ năng. Trong khi đó, các giáo viên thuộc nhóm 2 hoàn toàn chú trọng đến việc dạy kiến thức ngôn ngữ và bỏ qua mục tiêu nâng cao kỹ năng học tập của sinh viên. Những bài tập thực hành có kiểm soát hay giao tiếp giữa giáo viên và sinh viên cũng không nằm ngoài mục đích này. Có thể thấy thời gian nói của giáo viên nhóm 2 khá cao (48.05% thời gian so với 22.50% thời gian của giáo viên nhóm 1). Ngoài ra, nếu xem xét về mục đích nói của giáo viên, chúng ta cũng thấy sự khác biệt lớn: giáo viên nhóm sử dụng thời gian nói để hướng dẫn sinh viên làm việc độc lập nhiều, trong khi các giáo viên nhóm 2 phần lớn sử dụng thời gian nói để giải thích từ vựng, giảng ngữ pháp, và sửa bài tập ngữ pháp hay bài tập nghe (*xem phụ lục, bảng 2b & 3b*).

Nhân đây, cũng xin được nêu rõ: tuy chương trình của 2 nhóm môn khác nhau, giáo trình của môn nghe nói và tiếng Anh cơ bản đều có khuynh hướng lấy người học làm trung tâm. Nhìn chung, giáo viên của cả 2 nhóm triển khai bài giảng theo trình tự của giáo trình. Nhưng do không tập trung vào kỹ năng, nhóm giáo viên 2 lướt bỏ các hoạt động lớp được thiết kế nhằm phát huy tính độc lập và sử dụng ngôn ngữ giao tiếp tự do của người học.

Tóm lại, tuy việc dạy và học tiếng Anh được thực hiện với chương trình học khá hiện đại, người dạy tiếng Anh vẫn duy trì những phương pháp giảng dạy truyền thống với những ưu điểm vốn có của nó—quen thuộc, an toàn, và dễ kiểm soát. Do đó, việc mạo hiểm thực hành những phương pháp mới, chấp nhận sự đa dạng về cách học, sở thích, cá tính của người học cần phải trải qua một quá trình.

KẾT LUẬN

Thực tế cho thấy mục tiêu hiện thực hóa những ưu điểm của phương pháp giảng dạy mới—lấy người học làm trung tâm—còn rất hạn chế. Các hoạt động trong lớp học được giáo viên sử dụng thể hiện sự lựa chọn an toàn cho lớp học với những phương pháp truyền thống quen thuộc hơn là những nhu cầu đổi mới mạo hiểm đổi mới. Tuy nhiên, không thể phủ nhận những biểu hiện thay đổi trọng tâm từ người dạy sang người học đã manh nha xuất hiện—đã có giáo viên, đặc biệt trong nhóm giáo viên dạy môn nghe nói, thực hiện khá tốt việc khuyến khích sinh viên làm việc độc lập trong phần lớn thời gian hoặc một phần thời gian trong lớp học. Chúng tôi tin tưởng rằng những chuyển biến tiếp theo sẽ nhanh chóng và hiệu quả hơn như một đòi hỏi tất yếu

PHỤ LỤC**Bảng 1: THÔNG TIN DỰ GIỜ**

Giáo viên	Giới tính	Học vị	Dự giờ		
			Lớp	Môn học	Ngày
Nhóm 1					
T1	Nữ	Thạc sỹ	AV08A3	Nghe Nói 2	03/04/09
T2	Nữ	Cử nhân	CDAV08A1	Nghe Nói 2	13/04/09
T3	Nữ	Thạc sỹ	E82DB1	Nghe Nói 1	07/05/09
T4	Nữ	Thạc sỹ	AV08B1	Nghe Nói 2	11/05/09
T5	Nữ	Thạc sỹ	AV08A1	Nghe Nói 2	19/05/09
Nhóm 2					
T6	Nữ	Thạc sỹ	A2C3	TA cơ bản 2	15/04/09
T7	Nữ	Cử nhân	A2S1	TA cơ bản 2	17/04/09
T8	Nữ	Thạc sỹ	A2C7	TA cơ bản 2	22/04/09
T9	Nữ	Thạc sỹ	A2S7	TA cơ bản 2	24/04/09
T10	Nam	Cử nhân	A3S1	TA cơ bản 3	27/04/09

Bảng 2a: PHÂN BỐ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG LỚP – Nhóm 1

Giáo viên	Thời gian GV nói		Thời gian GV điều khiển hoạt động lớp		Thời gian SV thực hành ngôn ngữ độc lập		Tổng	
	phút	phần trăm	phút	phần trăm	phút	phần trăm	phút	phần trăm
T1	32	45.71%	18	25.71%	20	28.57%	70	100.00%
T2*	21	32.31%	26	40.00%	18	27.69%	65	100.00%
T3*	3	6.67%	42	93.33%	0	0.00%	45	100.00%
T4*	9	9.47%	76	80.00%	10	10.53%	95	100.00%
T5	7	15.56%	16	35.56%	22	48.89%	45	100.00%
Tổng	72	22.50%	178	55.63%	70	21.88%	320	100.00%

* Giáo viên có sử dụng Tiếng Việt

Bảng 2b: Diễn giải các hoạt động của các giáo viên nhóm 1

Giáo viên	Thời gian GV nói (22.50%)	Thời gian GV điều khiển hoạt động lớp (55.63%)	Thời gian SV thực hành ngôn ngữ độc lập (21.88%)
T1	Hướng dẫn cách làm phần bài tập nghe Hướng dẫn chuẩn bị phần thảo luận nhóm Sửa lỗi nói + nhận xét bài nói cho sinh viên	Đặt câu hỏi giúp sinh viên trả lời câu hỏi bài tập nghe	Thảo luận nhóm theo các câu hỏi trong bài học

T2	Sửa lỗi bài tập về nhà Sửa lỗi nói + nhận xét bài nói cho sinh viên Giảng nghĩa từ mới Hướng dẫn sinh viên sử dụng sơ đồ để sắp xếp ý Hướng dẫn và giúp sinh viên hiểu tình huống trước khi thực hành Tổ chức hoạt động nhóm / đôi	Đặt câu hỏi giúp sinh viên diễn đạt và cung cấp thêm ý kiến và thông tin	Thảo luận nhóm và đôi theo các câu hỏi và tình huống trong bài học
T3	Giải thích từ mới Tổng kết bài học Giao bài tập về nhà	Đặt câu hỏi khuyến khích sinh viên nghe và trả lời câu hỏi liên quan đến bài nghe Đặt câu hỏi để sinh viên liên hệ nội dung bài học với kinh nghiệm và ý kiến cá nhân	
T4	Sửa lỗi cách ghi chép bài giảng sau bài tập nghe Giải thích thuật ngữ mới trước khi thực hành Kể chuyện, chia sẻ kinh nghiệm cá nhân có liên quan đến nội dung bài học	Đặt câu hỏi khuyến khích sinh viên nghe và trả lời câu hỏi liên quan đến bài nghe	Thảo luận nhóm và đôi theo các câu hỏi và tình huống trong bài học
T5	Giải thích thuật ngữ mới trước khi thực hành	Đặt câu hỏi giúp sinh viên diễn đạt và cung cấp thêm ý kiến và thông tin trong lúc sinh viên báo cáo kết quả thảo luận nhóm	Thảo luận nhóm và đôi theo các câu hỏi và tình huống trong bài học

Bảng 3a: PHÂN BỐ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG LỚP – Nhóm 2

Giáo viên	Thời gian GV nói		Thời gian GV điều khiển hoạt động lớp		Thời gian SV thực hành ngôn ngữ độc lập		Tổng	
	phút	phần trăm	phút	phần trăm	phút	phần trăm	phút	phần trăm
T6	24	40.68%	35	59.32%	0	0.00%	59	100.00%
T7	5	10.00%	45	90.00%	0	0.00%	50	100.00%
T8	31	68.89%	14	31.11%	0	0.00%	45	100.00%
T9	22	41.51%	31	58.49%	0	0.00%	53	100.00%
T10	41	83.67%	8	16.33%	0	0.00%	49	100.00%
Tổng	123	48.05%	133	51.95%	0	0.00%	256	100.00%

* Giáo viên có sử dụng Tiếng Việt

Bảng 2b: Diễn giải các hoạt động của các giáo viên nhóm 1

Giáo viên	Thời gian GV nói (48.05%)	Thời gian GV điều khiển hoạt động lớp (51.95%)	Thời gian SV thực hành ngôn ngữ độc lập (0.00%)
T6	Dạy từ vựng Sửa phát âm Giới thiệu bài học	Yêu cầu sinh viên đọc hội thoại Mở cassette để sinh viên nghe và làm bài tập nghe, kiểm soát câu trả lời của sinh viên	
T7	Ôn tập ngữ pháp	Tổ chức cho sinh viên làm bài tập ngữ pháp theo nhóm Cung cấp input cho sinh viên để sinh viên họ mẫu câu Đặt câu hỏi để sinh viên tham gia tìm hiểu bài	
T8	Giới thiệu bài học Sửa lỗi phát âm Giải thích từ mới, ngữ pháp	Yêu cầu sinh viên dịch Việt Anh theo mẫu câu cho sẵn Cho sinh viên làm bài tập điền từ Cho sinh viên đọc bài tập Đặt câu hỏi để sinh viên tham gia tìm hiểu bài	
T9	Giới thiệu, giải thích từ vựng Dạy ngữ pháp	Cho sinh viên thực hành mẫu câu và từ vựng vừa học	
T10	Giới thiệu bài học Ôn tập từ vựng, ngữ pháp	Đặt câu hỏi mở rộng chủ đề nói cho sinh viên tham gia Yêu cầu sinh viên dịch Việt Anh theo mẫu câu vừa học	

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Wajnryb, R. (1992), *Classroom Observation Tasks*, Cambridge University Press.
- Lee, James F. and Vanpatten, B. (1995), *Making Communicative language Teaching Happen*, McGraw-Hill, Inc., New York,